



CỤC HẢI QUAN
CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1688/QĐ-HQKV2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026
của Chi cục Hải quan Khu vực II**

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 2019/QĐ-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2146/QĐ-CHQ ngày 30/12/2025 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-CHQ ngày 12/5/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1116A/QĐ-CHQ ngày 30/6/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-CHQ ngày 06/8/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-CHQ ngày 11/8/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;



Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Chi cục Hải quan Khu vực II (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Trưởng các đơn vị thuộc Chi cục tổ chức thực hiện quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TVQT (để b/c);
- Đ/c Chi cục trưởng (để b/c);
- CTTĐT Chi cục HQKVII (để tăng tài);
- Lưu VT, VP (02 bản). 

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phan Minh Lê

CỤC HẢI QUAN
CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1688 /QĐ-HQKV2 ngày 12 /8/2026 của Chi cục Hải quan Khu vực II)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó		
			Nguồn NSNN	Nguồn Phí	Ghi chú
A	B	I = 2 + 3	2	3	4
A	DỰ TOÁN THU				
I	Số thu phí Hải quan	113.947.248.000	0	113.947.248.000	
II	Số thu phí Hải quan nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
III	Số thu phí Hải quan được để lại sử dụng	98.723.786.100	0	98.723.786.100	
	Phí Hải quan	102.552.623.200		102.552.623.200	
	Tiết kiệm chi thường xuyên theo NQ số 135/NQ-CP	(3.828.837.100)		(3.828.837.100)	
IV	Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội	11.394.624.800		11.394.624.800	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	610.130.860.000	582.466.107.000	27.664.753.000	
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)	572.225.510.000	544.560.757.000	27.664.753.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	516.538.251.000	496.921.568.000	19.616.683.000	
1.1	Quỹ lương	419.374.901.000	419.374.901.000	0	
1.2	Chi quản lý hành chính theo định mức	77.546.667.000	77.546.667.000	0	
1.3	Các khoản chi ngoài định mức	19.616.683.000	0	19.616.683.000	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	55.687.259.000	47.639.189.000	8.048.070.000	
2.1	Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	20.058.330.000	20.058.330.000	0	
2.2	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, xây dựng hạng mục công trình	19.864.553.000	11.816.483.000	8.048.070.000	
a	Chi mua sắm tài sản	28.500.000	28.500.000		
b	Chi sửa chữa tài sản	12.459.053.000	4.410.983.000	8.048.070.000	
c	Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng hạng mục công trình	7.377.000.000	7.377.000.000		
2.3	Chi đóng niên liệu	0	0	0	
2.4	Chi trang phục	560.022.000	560.022.000	0	
2.5	Chi thuê trụ sở	556.000.000	556.000.000		
2.6	Chi thuê kênh truyền	3.090.000.000	3.090.000.000	0	
2.7	Chi hỗ trợ người làm công tác pháp chế	0	0		
2.8	Chi mua vật tư, ấn chỉ	0	0	0	
2.9	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	8.716.480.000	8.716.480.000	0	
2.10	Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành Hải quan như uỷ nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan Hải quan trước toà án, trung cầu giám định về phân tích phân loại hàng hoá, chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử	1.304.034.000	1.304.034.000	0	



2.11	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	0	0	0	
2.12	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VITP)	0	0	0	
2.13	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan			0	
2.14	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn Ngành	512.840.000	512.840.000	0	
2.15	Chi hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ	1.025.000.000	1.025.000.000	0	
2.16	Chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế	0	0		
II	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (Khoản 121)	37.096.000.000	37.096.000.000	0	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0			
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	37.096.000.000	37.096.000.000		
III	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Khoản 085)	809.350.000	809.350.000	0	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0			
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	809.350.000	809.350.000	0	
2.1	Chi đào tạo, bồi dưỡng công chức trong nước	809.350.000	809.350.000	0	
2.2	Chi đào tạo, bồi dưỡng công chức nước ngoài	0	0	0	

Chữ ký